

# MỘT SỐ KIẾN VỀ ÁP DỤNG DẤU HIỆU ĐỊNH KHUNG PHẠM TỘI CÓ TỔ CHỨC TRONG TỘI CƯỚP TÀI SẢN THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015 (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2017)

ĐOÀN TRONG CHÍNH\*

*Phạm tội có tổ chức là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nói chung và cũng là tình tiết định khung tăng nặng được quy định trong một số tội danh cụ thể trong Bộ luật hình sự (BLHS) năm 2015 (sửa đổi, bổ sung (SĐ, BS) năm 2017), trong đó có Tội cướp tài sản. Trong phạm vi bài viết, tác giả phân tích tình tiết phạm tội có tổ chức nói chung, phạm tội có tổ chức trong tội cướp tài sản nói riêng và một số vấn đề trong thực tiễn quyết định hình phạt đối với người phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức.*

*Từ khóa: Đồng phạm, phạm tội, tội cướp tài sản, tình tiết tăng nặng, trách nhiệm hình sự.*

*Ngày nhận bài: 07/9/2020; Biên tập xong: 14/9/2020; Duyệt đăng: 15/9/2020*

Organized crime is an aggravating circumstance prescribed in a number of crimes in the 2015 Penal Code (amended and supplemented in 2017), including Robbery. Within this paper, the author clarifies organized crime in generally, organized crime in robbery particularly and some issues in deciding the sentences for the organized offenders of robbery in reality.

Keywords: Complicity, commit the crimes, robbery, aggravating factor, criminal liability.

## 1. Quy định về tình tiết phạm tội có tổ chức

Là một trong những hình thức đồng phạm, tuy nhiên, phạm tội có tổ chức được đánh giá là một dạng đặc biệt của đồng phạm, là hình thức đồng phạm có tính nguy hiểm cao cho xã hội. Theo quy định tại khoản 2 Điều 17 BLHS năm 2015 (SĐ, BS năm 2017), phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm. Phạm tội có tổ chức là “tội phạm mà việc thực hiện hành vi khách quan phải có sự cấu kết với nhiều người hoặc hành vi khách quan được thực hiện với sự cấu kết chặt chẽ của nhiều người”<sup>1</sup>. Đặc điểm có sự cấu kết chặt chẽ của phạm tội có tổ chức vừa thể hiện đặc điểm của dấu hiệu chủ quan,

vừa thể hiện mức độ phân hóa vai trò, nhiệm vụ cụ thể về mặt khách quan của những người đồng phạm. Trong phạm tội có tổ chức, phải có từ hai người trở lên cố ý cùng tham gia phạm tội và có sự nhất trí của những người cùng thực hiện tội phạm. Số lượng hai người phải có đủ dấu hiệu của chủ thể tội phạm (có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự). Họ có sự liên kết, phối hợp với nhau, cố ý cùng thực hiện hành vi phạm tội với cùng mục đích phạm tội. Bên cạnh đó, những người phạm tội thường bàn bạc trước và có sự phân công thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, không phải bất cứ trường hợp nào có bàn bạc trước và có phân công thực hiện tội phạm đều là phạm tội có tổ chức, bởi vì phạm tội có tổ chức phải có sự cấu kết chặt chẽ giữa

<sup>1</sup> TS. Lê Thị Sơn, Về tội phạm có dấu hiệu “có tổ chức” trong luật hình sự Việt Nam, Tạp chí Luật học số 01/2003, tr47.

\* Thạc sĩ, Khoa Luật - Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh

những người cùng thực hiện tội phạm. Vì vậy, nếu việc thực hiện tội phạm giản đơn, không đòi hỏi phải có sự tính toán và chuẩn bị kỹ càng, chu đáo thì không phải là phạm tội có tổ chức.

Trên cơ sở đó, phạm tội cướp tài sản có tổ chức là trường hợp nhiều người cố ý cùng bàn bạc, câu kết chặt chẽ với nhau, soạn thảo kế hoạch và thực hiện việc cướp tài sản dưới sự điều khiển thống nhất của người cầm đầu. Hình thức đồng phạm này có sự phân công, sắp đặt vai trò của những người tham gia, trong đó, mỗi người thực hiện một hoặc một số hành vi và chịu sự điều khiển của người cầm đầu. Dấu hiệu có tổ chức phản ánh phương thức thực hiện hành vi phạm tội: Việc phạm tội luôn được chuẩn bị chu đáo, cẩn thận trên mọi mặt về tư tưởng, chủ trương, kế hoạch thực hiện tội phạm, kế hoạch che dấu tội phạm,... Chính vì vậy, hình thức phạm tội này thể hiện quy mô và tính chất nguy hiểm rất cao, tội phạm được thực hiện tinh vi, xảo quyệt, táo bạo hơn, gây hậu quả lớn hơn và dễ dàng che dấu tội phạm hơn so với trường hợp phạm tội riêng lẻ. Giữa những người đồng phạm vừa có sự liên kết chặt chẽ với nhau, vừa có sự phân hóa vai trò, phân công nhiệm vụ tương đối rõ rệt, cụ thể. Qua tổng kết thực tiễn, có thể thấy sự câu kết chặt chẽ trong phạm tội có tổ chức nói chung và cướp có tổ chức nói riêng có thể được thể hiện dưới các dạng sau<sup>2</sup>:

Những người đồng phạm đã tham gia một tổ chức phạm tội như: đảng phái, hội, đoàn phản động, băng, ổ, nhóm,... có những tên chỉ huy, cầm đầu. Tuy nhiên,

<sup>2</sup> Tòa án nhân dân tối cao (1988), Nghị quyết số 02-HĐTP/NQ ngày 16/11/1988 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn bổ sung Nghị quyết số 02-HĐTP/NQ ngày 05/01/1986, Hà Nội.

cũng có khi tổ chức phạm tội không có những tên chỉ huy, cầm đầu mà chỉ là sự tập hợp những tên chuyên phạm tội thống nhất cùng nhau hoạt động.

Những người đồng phạm cùng nhau phạm tội nhiều lần theo một kế hoạch đã thống nhất trước. Ví dụ: một số nhân viên nhà nước đã thông đồng với nhau tham ô nhiều lần; một số tên chuyên cùng nhau đi trộm cắp; một số tên hoạt động đầu cơ, buôn lậu có tổ chức đường dây để nắm nguồn hàng, vận chuyển, thông tin về giá cả,...

Những người đồng phạm chỉ thực hiện tội phạm một lần, nhưng đã tổ chức thực hiện tội phạm theo một kế hoạch được tính toán kỹ càng, chu đáo, có chuẩn bị phương tiện hoạt động và có khi còn chuẩn bị cả kế hoạch che giấu tội phạm. Ví dụ: Trong các trường hợp trộm cắp, cướp tài sản của công dân mà có phân công điều tra trước về nơi ở, quy luật sinh hoạt của gia đình chủ nhà, phân công chuẩn bị phương tiện và hoạt động của mỗi người đồng phạm, v.v...

Trong vụ án cướp có tổ chức cũng như trong các vụ án hình sự có yếu tố phạm tội có tổ chức, tùy thuộc vào quy mô và tính chất mà có thể có những người giữ những vai trò khác nhau như: người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức.

### **2. Thực tiễn quyết định hình phạt khi áp dụng dấu hiệu định khung phạm tội có tổ chức trong tội cướp tài sản**

Việc quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội có tổ chức nói chung, cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng phải đảm bảo đúng quy định của pháp luật, nhằm đảm bảo nhiều yêu cầu, trong đó có yêu cầu về việc

áp dụng hình phạt đối với những người đồng phạm phải chính xác, phù hợp với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi, vai trò trong việc thực hiện hành vi phạm tội và nhân thân của mỗi người. Trong vụ án cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức, dù với vai trò nào (người tổ chức, người thực hành, người xúi giục hay người giúp sức) thì tất cả những người phạm tội trong vụ án đều bị áp dụng tình tiết tăng nặng là “phạm tội có tổ chức”. Tuy nhiên, mức độ tăng nặng trách nhiệm hình sự cụ thể đối với từng người tùy thuộc vào vai trò của họ trong vụ án. Trách nhiệm hình sự của những người đồng phạm nói chung và những người phạm tội có tổ chức nói riêng không phải và không thể ngang bằng nhau thể hiện qua việc hình phạt bị áp dụng đối với mỗi người là khác nhau, thực hiện nguyên tắc cá thể hóa và phân hóa trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với mỗi người đồng phạm.

Với cách phân loại những người đồng phạm theo luật hình sự Việt Nam hiện hành thì trong số những người đồng phạm, người tổ chức chịu trách nhiệm hình sự ở mức cao nhất. BLHS năm 2015 (SĐ, BS năm 2017) cũng đã thể hiện quy định này trong nguyên tắc xử lý tại điểm a khoản 1 Điều 3 “nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy,...”. Vì vậy, khi quyết định hình phạt, mức hình phạt của người tổ chức với vai trò chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy trong tội cướp tài sản nhất thiết không thể thấp hơn người thực hành, người xúi giục hoặc người giúp sức nếu các tình tiết khác của vụ án như nhau. Như vậy, trong trường hợp phạm tội có tổ chức, vai trò của người tổ chức được coi là lớn nhất nên người tổ chức được xác định là người nguy hiểm hơn cả nên họ bị xử lý nghiêm khắc nhất. Đối với người xúi

giục, người giúp sức, người thực hành thì đến nay BLHS vẫn chưa có quy định cụ thể. Vì vậy, khi quyết định hình phạt đối với những người đồng phạm trong một số vụ án phạm tội có tổ chức nói chung và cướp tài sản dưới hình thức có tổ chức nói riêng vẫn tồn tại sai sót, áp dụng pháp luật không thống nhất, quyết định hình phạt nhẹ hoặc quá nặng, chưa công bằng giữa người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy và những người đồng phạm khác dẫn đến quyết định hình phạt chưa chính xác, không đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa tội phạm. Ví dụ như trong vụ án sau:

Do không có tiền ăn chơi, Vũ Xuân T rủ rê Nguyễn Văn G, Nguyễn Tất M, Hoàng Thanh S đi cướp tài sản của các lái xe taxi. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, T và G đã chủ động bàn bạc kế hoạch thực hiện hành vi phạm tội, thuê xe taxi từ thành phố Hồ Chí Minh đi Long An, đến chỗ vắng để thực hiện tội phạm và phân công: Nguyễn Văn G ngồi ghế phụ cạnh lái xe để chỉ đường, tắt khóa điện, giạt phanh tay ô tô; Vũ Xuân T ngồi ghế sau, phía sau lái xe dùng dao khống chế, đe dọa; Nguyễn Tất M, Hoàng Thanh S ngồi ghế sau cạnh T hỗ trợ, khống chế lái xe và cùng đồng bọn chiếm đoạt tài sản. Thực hiện kế hoạch đã bàn bạc, trong hai ngày, cả bọn đã thực hiện trót lọt 2 lần phạm tội với phương thức thực hiện hành vi tương tự nhau: Dùng dao khống chế, dùng dây điện thoại trói chân, tay, dùng áo nhét vào miệng nạn nhân và chiếm đoạt được của anh Nguyễn Văn L và anh Nguyễn Văn M là hai tài xế taxi các tài sản gồm tiền mặt, điện thoại di động với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 5.700.000 đồng. Hành vi nêu trên của các bị cáo Vũ Xuân T, Nguyễn Văn G, Nguyễn Tất M và Hoàng Thanh S đã phạm vào tội cướp tài sản với 02 tình

tiết định khung tăng nặng là phạm tội có tổ chức và sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác. Với các hành vi phạm tội và tội danh như trên, bản án sơ thẩm đã áp dụng điểm a, d khoản 02 Điều 168 BLHS; điểm h, s khoản 1 Điều 51 BLHS; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS, tuyên phạt Vũ Xuân T 08 năm tù, Nguyễn Văn G 08 năm tù, Nguyễn Tất M 08 năm tù, Hoàng Thanh S 07 năm tù.

Qua vụ án trên có thể thấy, với các yếu tố về nhân thân tương đối giống nhau, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ được áp dụng giống nhau, mức hình phạt mà bản án sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là chưa phù hợp và chưa đảm bảo công bằng. Bởi vì:

*Thứ nhất*, mức hình phạt đối với trường hợp phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trong trường hợp này là chưa phù hợp: Trong vụ án này, hành vi phạm tội của các bị cáo thỏa mãn 02 tình tiết định khung tăng nặng quy định tại khoản 2 Điều 168 BLHS năm 2015 (SĐ, BS năm 2017) nhưng mức hình phạt đối với các bị cáo chỉ ở mức tối thiểu của khung hình phạt (khung hình phạt quy định tại khoản 2 là từ 7 năm đến 15 năm);

*Thứ hai*, mức hình phạt được áp dụng với mỗi bị cáo chưa tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi của các bị cáo gây ra, chưa phù hợp nguyên tắc phân hóa hình phạt theo vai trò, mức độ nguy hiểm của hành vi của mỗi bị cáo trong vụ án, nhất là với nguyên tắc quyết định hình phạt đối với trường hợp đồng phạm: mức hình phạt được áp dụng đối với bị cáo T và G bằng với bị cáo M. Trong vụ án này, Vũ Xuân T, Nguyễn Văn G là 02 bị cáo giữ vai trò chính: T khởi xướng và cùng

G bàn bạc kế hoạch phạm tội, rủ rê các bị cáo khác cùng thực hiện hành vi phạm tội, chuẩn bị phương tiện, phân công vai trò, vị trí cho từng bị cáo,... Bên cạnh đó, T và G là hai bị cáo thực hiện liên tục hai hành vi phạm tội một cách tích cực nhất. Ngoài ra, vai trò khi thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này của bị cáo T là cao hơn bị cáo G do ban đầu T chủ động rủ rê G trước. Theo nguyên tắc quyết định hình phạt, căn cứ vào vai trò trong vụ án thì bị cáo T phải chịu mức hình phạt cao nhất, sau đó là bị cáo G. Hai bị cáo này phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác trong vụ án mới phù hợp với vai trò người tổ chức, rủ rê, lôi kéo các bị cáo khác. Các bị cáo khác chỉ thực hiện tội phạm với vai trò người thực hành nên mức hình phạt phải chịu sẽ thấp hơn bị cáo T và G. Bên cạnh đó, mức hình phạt đối với các bị cáo nên được áp dụng ở mức cao hơn do tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội tương đối cao với 02 tình tiết tăng nặng định khung. Tuy nhiên, chưa có quy định của pháp luật một cách rõ ràng về việc quyết định hình phạt này. Do vậy, việc quyết định hình phạt trên thực tế phụ thuộc vào nhận định của người tiến hành tố tụng. Trong vụ án này, do nhận định chưa toàn diện nên Hội đồng xét xử đã tuyên mức hình phạt chưa phù hợp đối với hành vi phạm tội của các bị cáo.

### 3. Kiến nghị

Để đảm bảo việc quyết định hình phạt đối với tội phạm được thực hiện dưới hình thức có tổ chức nói chung và tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng được thực hiện một cách chính xác, thống nhất, bảo đảm cá thể hóa hình phạt đối với từng người phạm tội, với từng vai trò khác nhau trong việc thực

hiện hành vi phạm tội khác nhau thì yêu cầu tất yếu là phải có căn cứ pháp lý một cách cụ thể, rõ ràng. Hay nói cách khác, cần có quy định rõ ràng về nguyên tắc quyết định hình phạt trong đồng phạm. Đối với người thực hành và người giúp sức thì tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội trong hành vi phạm tội của họ có đặc trưng riêng nhưng xét về tổng thể trong bốn loại người đồng phạm, theo chúng tôi, hai loại người đồng phạm này thể hiện gần nhau hơn so với người tổ chức và người xúi giục. Vai trò hỗ trợ hoạt động phạm tội của người giúp sức cũng là một trong những căn cứ để cá thể hóa trách nhiệm hình sự của người giúp sức với tính chất ít nguy hiểm hơn so với những loại người đồng phạm khác. Thực tiễn xét xử ở nước ta cũng cho thấy, trong một vụ đồng phạm, người giúp sức thường có vai trò ít nguy hiểm hơn so với những người đồng phạm khác.

Do đó, nếu luật hình sự sử dụng cách phân loại này thì đường lối nghiêm trị đối với người phạm tội có tổ chức như hiện nay cần phải quy định rõ trong luật theo nguyên tắc xử lý người giúp sức nhẹ hơn so với người thực hành. Vì vậy, nên có quy định buộc người xúi giục phải chịu trách nhiệm như người thực hành, còn người giúp sức chỉ đóng vai trò thứ yếu nên mức độ trách nhiệm hình sự nhẹ hơn so với người thực hành. Quy định như vậy thể hiện sự đánh giá về vai trò, tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi dụ dỗ, kích động, thúc đẩy việc thực hiện tội phạm của người xúi giục cao hơn so với hành vi của người giúp sức - chỉ đóng vai trò là người tạo ra các điều kiện vật chất và tinh thần cho người thực hành trực tiếp thực hiện tội phạm.

Theo đó, có thể bổ sung quy định về nguyên tắc quyết định hình phạt trong đồng phạm vào phần chung BLHS với nội dung như sau:

“Người tổ chức phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn so với người thực hành. Người xúi giục chịu trách nhiệm hình sự như người thực hành. Người giúp sức chịu trách nhiệm hình sự nhẹ hơn người thực hành”.

Việc quy định nguyên tắc quyết định hình phạt trong đồng phạm có mục đích phân hóa trách nhiệm hình sự đối với những người đồng phạm nói chung và người phạm tội có tổ chức nói riêng cũng như phản ánh đúng tính chất nguy hiểm cho xã hội trong hành vi của từng người phạm tội, làm cơ sở pháp lý cho việc quyết định hình phạt có tính chất phân hóa đối với từng người phạm tội. Điều này đảm bảo sự rõ ràng, cụ thể, tạo điều kiện cho việc quyết định hình phạt được rõ ràng, thống nhất./.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).
2. Tòa án nhân dân tối cao (1988), Nghị quyết số 02-HĐTP/NQ ngày 16/11/1988 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn bổ sung Nghị quyết số 02-HĐTP/NQ ngày 05/01/1986, Hà Nội
3. Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phân các tội phạm – Quyển 1)*, NXB Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam, Hà Nội.
4. GS.TS Võ Khánh Vinh (2013), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam – Phân các tội phạm*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
5. TS. Lê Thị Sơn, *Về tội phạm có dấu hiệu “có tổ chức” trong luật hình sự Việt Nam*, Tạp chí Luật học số 01/2003.